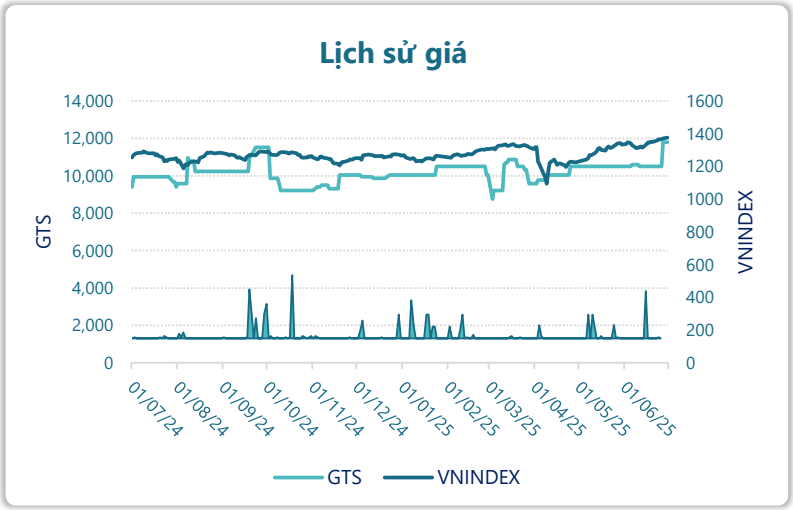
FireAnt

CTCP Công trình Giao thông Sài Gòn (UPCOM: GTS)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,757
SL cổ phiếu LH	28,499,764
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	336
P/E	9.0
EPS	1,307

DT thuần

Q2/25

428

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 298| 229%

YoY: ▲ 84.0| 24.3%

LN sau thuế

Q2/25

11.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.84| 240%

YoY: ▲ 2.16| 23.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

3.2%

DT thuần

6T 2025

557

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 180| 47.9%

LN sau thuế

6T 2025

14.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.43| 45.3%

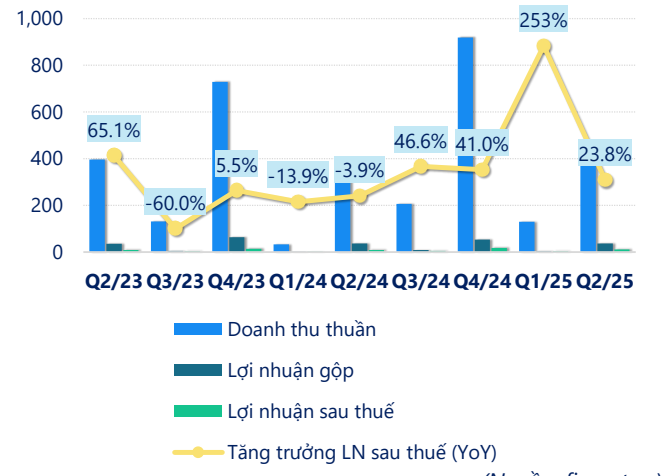
ROE

Q2/25

11.8%

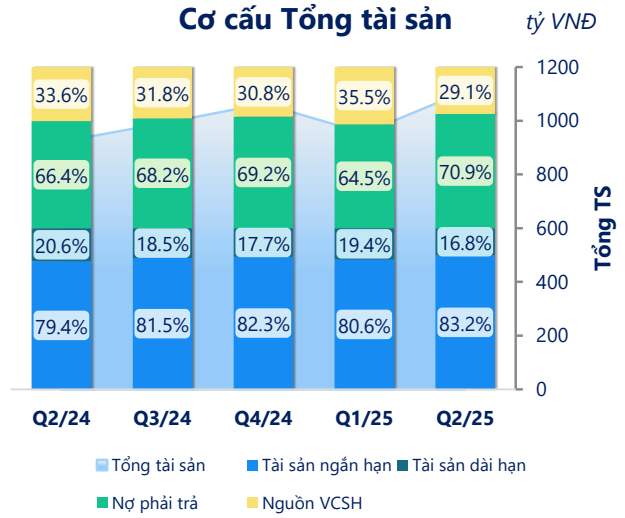
+/- YoY: ▼ 2.9%

Kết quả kinh doanh



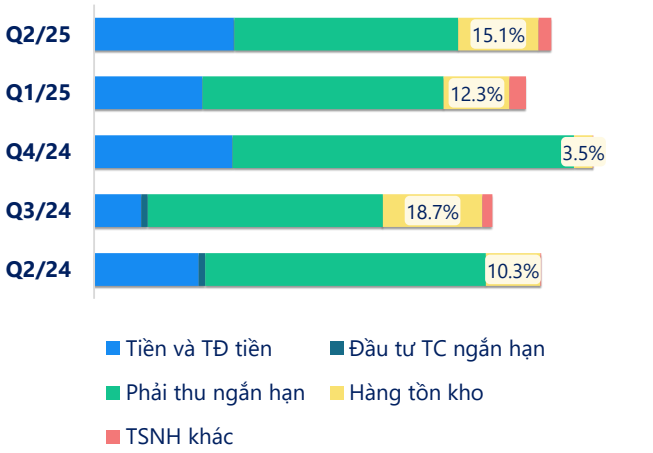
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



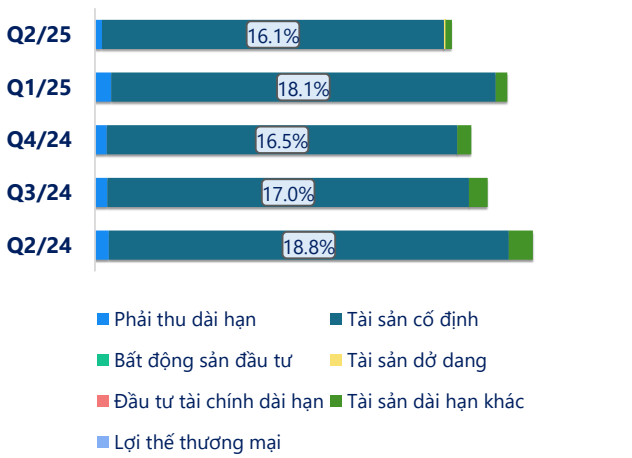
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



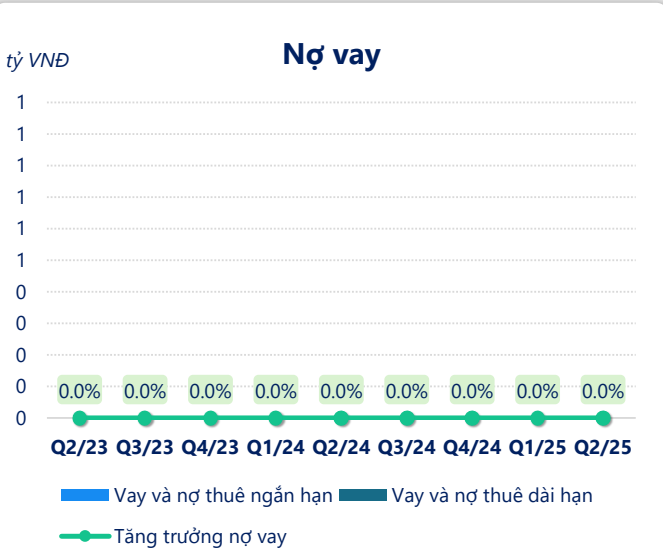
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



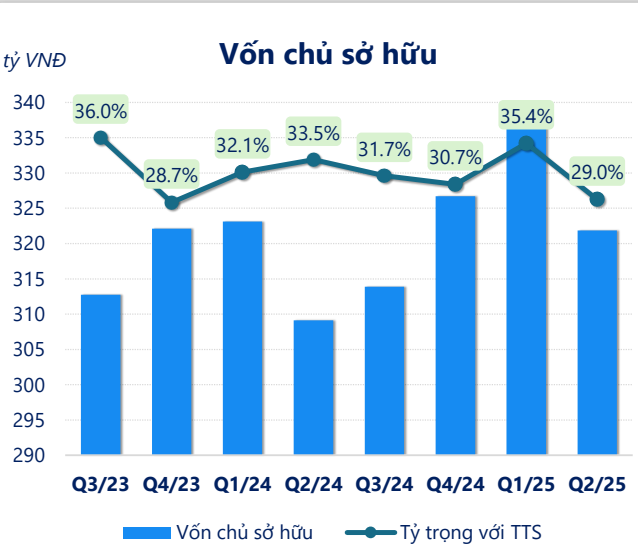
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



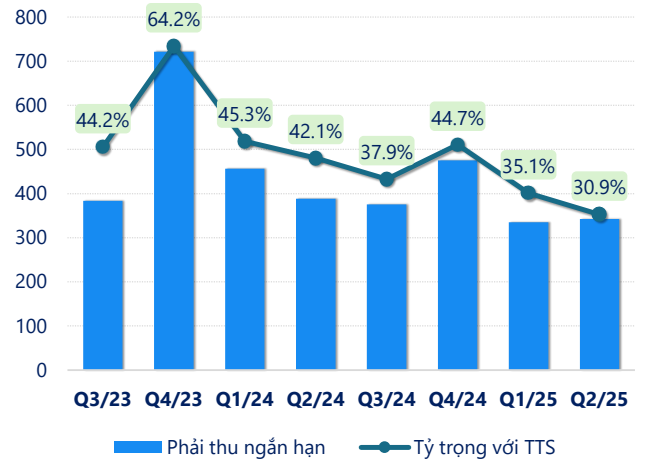
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



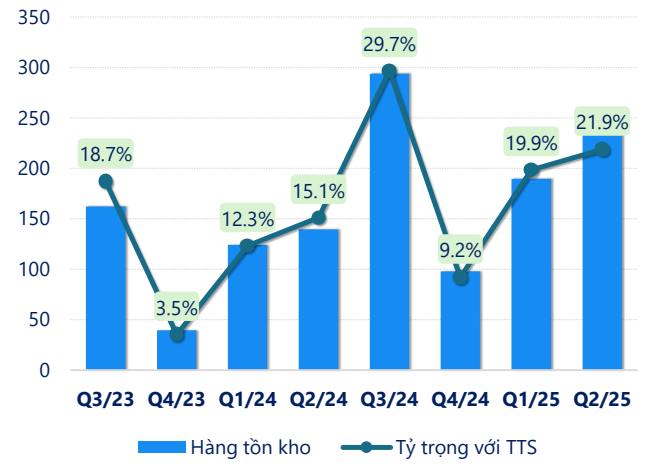
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



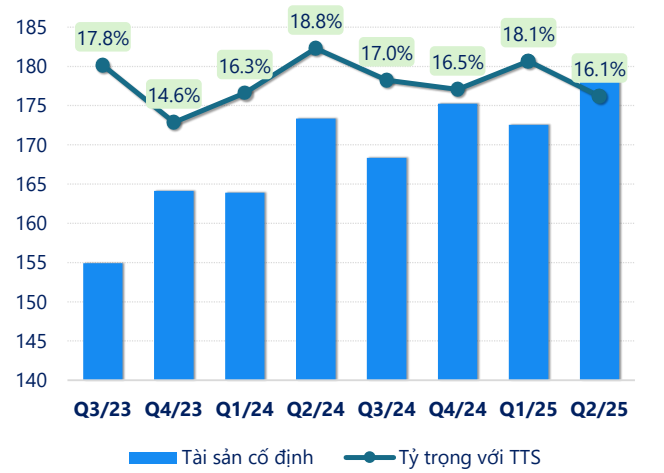
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



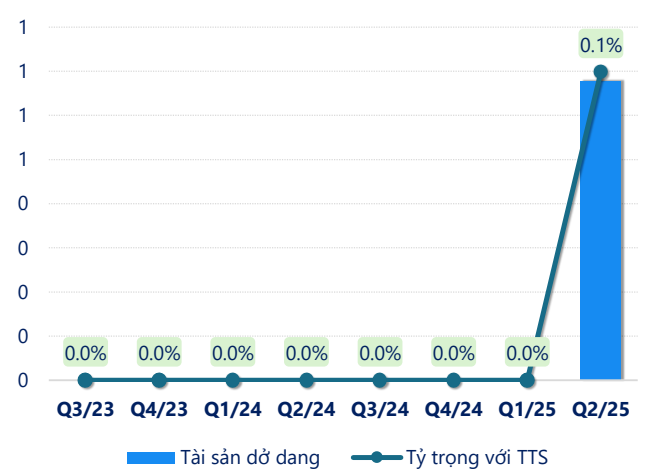
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



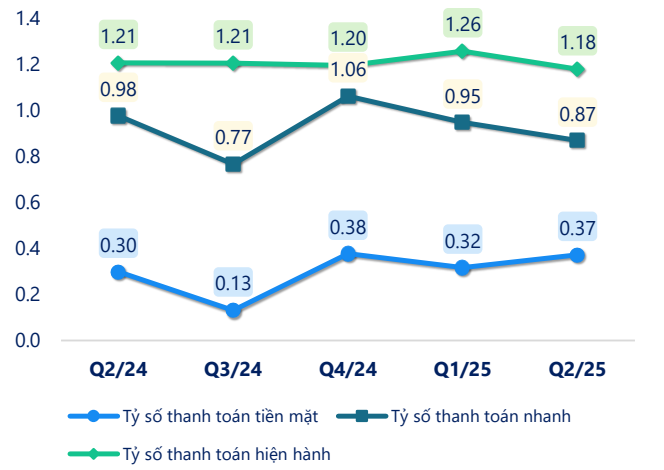
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



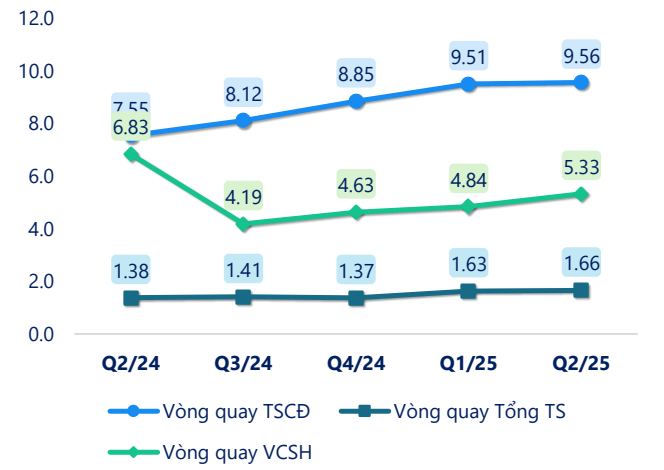
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**922**	**990**	**1,063**	**954**	**1,110**
Tài sản ngắn hạn	**732**	**807**	**875**	**769**	**923**
Tiền và tương đương tiền	182	87.7	276	194	292
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.75	0.75	0.76	0.76	0.78
Phải thu ngắn hạn	388	375	475	335	342
Hàng tồn kho	139	294	97.8	190	243
Tài sản ngắn hạn khác	22.4	49.9	24.9	50.0	45.5
Tài sản dài hạn	**190**	**183**	**188**	**185**	**186**
Phải thu dài hạn	6.07	5.76	5.90	7.23	3.67
Tài sản cố định	173	168	175	173	178
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0.68
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	10.5	8.72	6.98	5.23	3.49
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**612**	**676**	**736**	**616**	**787**
Nợ ngắn hạn	**607**	**670**	**732**	**612**	**783**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	91.2	116	200	128	127
Nợ dài hạn	5.51	5.51	3.79	4.08	4.08
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**310**	**315**	**328**	**339**	**323**
Vốn chủ sở hữu	**309**	**314**	**327**	**338**	**322**
Vốn điều lệ	285	285	285	285	285
Kinh phí và quỹ khác	0.92	0.92	0.92	0.92	0.92

(Nguồn: fireant.vn)